TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 - 2020
Về việc Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Hồng Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Tất Thể
Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị M1 Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2020/ TLST- HNGĐ ngày 1 tháng 7 năm 2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐ-ST ngày 04/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đức T; sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 7, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn 7, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang làm việc tại Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, tại bản tự khai quá trình giải quyết ly hôn và tại phiên tòa anh Hoàng Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đức T và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/12/2000 tại UBND xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Thời kỳ đầu hôn nhân vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2010 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ năm 2010 đến năm 2015 tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Năm

2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng xa nhau thời gian dài, không có tiếng nói chung, không thông cảm cho nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt kể từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt liên lạc. Anh không biết thông tin gì về vợ, chỉ biết vợ có liên lạc với các con và gia đình bên ngoại. Hiện tại anh xác định không còn tình cảm với chị H và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về vấn đề con chung: Anh Hoàng Đức T và chị Nguyễn Thị H có 3 con chung là Hoàng Đức M1 sinh ngày 03/02/2002; Hoàng Thị Tú L sinh ngày 10/11/2003; Hoàng Thị Uyển N sinh ngày 20/3/2008. Anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H hiện đang làm việc tại Đài Loan, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác M1 tại địa phương nơi chị H cư trú trước khi xuất cảnh; làm việc với bố chị H là ông Nguyễn M, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn 9, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với chị H do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nội dung thể hiện: Hiện chị Nguyễn Thị H đang làm việc tại Đài Loan không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, việc anh T xin ly hôn chị đã biết. Nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau, không có điều kiện để vun đắp tình cảm, anh T muốn chị về Việt Nam nhưng vì điều kiện công việc chị chưa thể về được, chị không có lỗi gì để anh T phải làm đơn xin ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn. . Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hoàng Đức M1 sinh ngày 03/02/2002; Hoàng Thị Tú L sinh ngày 10/11/2003; Hoàng Thị Uyển N sinh ngày 20/3/2008. Các con đang ở cùng ông bà ngoại, chị vẫn gửi tiền về cho ông bà nuôi con. Về nợ chung, tài sản chung: Trước đây chị đi làm có gửi tiền về cho chồng nuôi con và xây dựng nhà cửa. Chị không đồng ý ly hôn nên cũng không có ý kiến gì về vấn đề con cái và tài sản. Vì điều kiện công việc chị không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án, cũng không thể gửi văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án, các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố chị nhận thay.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; xử: cho anh Hoàng Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
Về con chung: Giao con Hoàng Thị Tú L; sinh ngày 10/11/2003 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Hoàng Thị Uyển N sinh ngày 20/3/2008 cho chị H

trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan, theo công văn số 10952/QLXNC- P5 ngày 09/7/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì chị Nguyễn Thị H đã xuất cảnh vào năm 2010 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành xác M1 tại địa phương nơi chị H cư trú trước khi xuất cảnh, làm việc với bố đẻ chị H là ông Nguyễn M để yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị H tại Đài Loan nhưng gia đình không cung cấp được vì chị H không nói cho gia đình biết. Do điều kiện công việc nên chị H yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố của chị nhận. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn M và ông cam kết sẽ thông báo các nội dung đó cho chị H. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H vắng mặt và không có văn bản trả lời các yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Đức T. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Hoàng Đức T và chị Nguyễn Thị H hình thành trên cơ sở tình cảm tự nguyện có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 22/12/2000 tại UBND xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có 3 con chung. Năm 2010 chị H đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu tình cảm vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng kể từ năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng sống mỗi người một nơi nên tình cảm ngày một phai nhạt. Chị H sang Đài Loan làm việc đã được 10 năm và chưa về nước lần nào. Anh T muốn chị về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị H không đồng ý. Do vợ chồng sống xa nhau nên không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau vì thế giữa vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, tình cảm không còn. Hiện tại, anh T xét thấy không còn tình cảm với chị

H và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh Hoàng Đức T và chị Nguyễn Thị H không đạt được mục đích đó. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, xử cho anh Hoàng Đức T ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Hoàng Đức M1 sinh ngày 03/02/2002; Hoàng Thị Tú L sinh ngày 10/11/2003; Hoàng Thị Uyển N sinh ngày 20/3/2008. Con Hoàng Đức M1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ở với ai là quyền của con, Tòa án không xem xét. Chị H hiện đang ở nước ngoài, các con chung của anh chị đang ở với bố mẹ của chị H và các con đang được chăm sóc tốt. Mặc dù chị H không nêu quan điểm về giải quyết vấn đề con cái nhưng con cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và bố mẹ chị H đề nghị cho chị H nuôi con. Tại phiên tòa anh T cũng có mong muốn được nuôi con. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các đương sự và điều kiện của các bên thì HĐXX thấy cần giao cho mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho cha mẹ và các con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Qua xác M1 chị H khai có gửi tiền về cho chồng nuôi con và xây dựng nhà cửa, vì chị không đồng ý ly hôn nên chị không có ý kiến về phần tài sản. Xét điều kiện hoàn cảnh chị H hiện đang sống làm việc ở nước ngoài chưa có điều kiện để về nước và chưa cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng M1 cho yêu cầu của mình; Vì vậy khi nào chị H về Việt Nam và có yêu cầu giải quyết về tài sản thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn: Anh Hoàng Đức T tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các vụ án có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Đức T ly hôn chị Nguyễn Thị H

2. Về con chung: Xử giao con Hoàng Thị Tú L sinh ngày 10/11/2003; cho anh Hoàng Đức T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Hoàng Thị Uyển N sinh ngày 20/3/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự về việc chia tài sản chung nếu các bên có yêu cầu và có tài liệu chứng M1 cho yêu cầu đó.

4. Về án phí: anh Hoàng Đức T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000037 ngày 01/7/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Cổ Đạm;
- Lưu HSVA.

Trần Hồng Hải